

Số: 72/2018/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHOÁ XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số: 132/TTr-UBND ngày 22/3/2018; Báo cáo thẩm tra số 483/BC-KTNS ngày 03/4/2018 của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 299/2009/NQ-HĐND ngày 07/12/2009 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La và Nghị quyết số 43/2013/NQ-HĐND ngày 14/3/2013 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 299/2009/NQ-HĐND ngày 07/12/2009 của HĐND tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ hai thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT Thành ủy, huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin, Lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT *mv*

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất
Hoàng Văn Chất

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2018/NQ-HĐND
ngày 04/4/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (gọi tắt là Văn phòng huyện ủy); doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý tài sản công: Thực hiện theo Điều 6, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Điều 3. Nội dung phân cấp thẩm quyền

1. Mua sắm tài sản công;
2. Thuê tài sản công;
3. Thu hồi tài sản công;
4. Điều chuyển tài sản công;
5. Bán tài sản công;
6. Thanh lý tài sản công;
7. Tiêu hủy tài sản công;
8. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

Chương II

QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan nhà nước

1. Mua sắm phương tiện xe ô tô phục vụ công tác: Mua mới phương tiện xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính. Việc mua sắm phương tiện xe ô tô phục vụ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền.

2. Mua sắm tài sản công (ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này): Mua sắm tài sản công thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công được phân cấp, như sau:

2.1. Cấp tỉnh

a. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản có giá trị trên 100 triệu đồng của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

b. Tài sản mua sắm có giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

c. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản trong dự toán ngân sách đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt có giá trị đến 100 triệu đồng.

2.2. Các huyện, thành phố (viết tắt là cấp huyện)

a. Căn cứ dự toán ngân sách về mua sắm tài sản đã được HĐND cấp huyện phê duyệt, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã, có giá trị trên 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng.

b. Tài sản mua sắm có giá trị trên 1 tỷ đồng của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã; UBND cấp huyện xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c. Tài sản mua sắm có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, UBND cấp huyện xây dựng phương án mua sắm, xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện, trình UBND tỉnh, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

d. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định mua sắm tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách đã được HĐND, UBND huyện phê duyệt, có giá trị đến 100 triệu đồng.

2.3. Các xã, phường, thị trấn (viết tắt là cấp xã): Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mua sắm đối với các tài sản trong dự toán ngân sách đã được HĐND xã phê duyệt, có giá trị đến 100 triệu đồng.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản của các cơ quan nhà nước.

1. Thuê trụ sở làm việc

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có giá trị thuê trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm. Giá trị thuê trên 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định trước khi quyết định.

1.2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, căn cứ dự toán ngân sách được giao quyết định thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm.

1.3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thuê đối với trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện quản lý có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm, UBND cấp huyện trình Thường trực HĐND cấp huyện xem xét cho ý kiến trước khi quyết định. Giá trị thuê trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện và cấp có thẩm quyền; trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi quyết định. Giá trị thuê trên 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND huyện trình xin ý kiến Thường trực HĐND huyện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến trước khi quyết định thuê tài sản.

2. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có giá trị thuê trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm. Giá trị tài sản thuê trên 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định trước khi quyết định thuê tài sản.

2.2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, căn cứ dự toán ngân sách được giao quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm.

2.3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã thuộc huyện quản lý, có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm; trước khi quyết định UBND huyện trình xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện. Giá trị thuê tài sản trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND cấp huyện lập phương án thuê tài sản báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện và cấp có thẩm quyền trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt. Giá trị thuê tài sản trên 500 triệu đồng/năm, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND

cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh để trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến trước khi quyết định.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản công do mua sắm, tài sản được giao quản lý, sử dụng của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện quản lý. Riêng đất đai, tài sản nhà trên đất tại địa điểm cũ của các cơ quan nhà nước được đầu tư xây dựng mới tại địa điểm khác theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; UBND tỉnh xây dựng phương án và quyết định thu hồi, bàn giao điều chuyển tài sản công cho các cơ quan nhà nước quản lý, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định thu hồi và điều chuyển tài sản công.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thu hồi những tài sản công thuộc cấp xã quản lý.

3. Chủ tịch UBND cấp xã thu hồi những tài sản công thuộc các bản, tiểu khu, tổ dân phố do xã quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển:

1.1. Phương tiện xe ô tô phục vụ công tác đối với các cơ quan nhà nước theo phương án điều chuyển tài sản hàng năm đã được Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến. Các trường hợp điều chuyển phương tiện xe ô tô phục vụ công tác đối với các cơ quan, đơn vị ngoài phương án đã được Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định điều chuyển tài sản.

1.2. Trụ sở nhà làm việc phục vụ công tác đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã quản lý.

1.3. Các tài sản không phải là phương tiện xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

1.4. Tài sản điều chuyển giữa các huyện, thành phố.

2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành có đơn vị trực thuộc quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ ngành có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản điều chuyển có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, giữa các cơ quan nhà nước trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan nhà nước cấp huyện, tài sản của cấp xã do cấp huyện quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản điều chuyển có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, UBND cấp huyện có văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

4. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định điều chuyển tài sản giữa các tổ, bản, tiểu khu do cấp xã quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản công là xe ô tô, trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và các tài sản sau:

1.1. Tài sản của cơ quan nhà nước cấp tỉnh và tài sản của cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.2. Tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và tài sản của cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền trước khi quyết định.

2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản công

3.1. Đối với tài sản được giao quản lý, sử dụng của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trước khi quyết định UBND cấp huyện xin ý kiến Thường trực HĐND cấp huyện và cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến.

3.2. Đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, UBND cấp huyện quyết định bán tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Cấp tỉnh

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản:

a. Trụ sở nhà làm việc.

b. Phương tiện xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước thực hiện thanh lý theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật. Việc thanh lý xe ô tô phục vụ công tác đối với các cơ quan, đơn vị do chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

c. Tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Đối với tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán trên 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền trước khi quyết định.

1.2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Cấp huyện

2.1. Chủ tịch UBND huyện quyết định thanh lý tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản thanh lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã: UBND cấp huyện xây dựng phương án thanh lý báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND huyện và cấp có thẩm quyền trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tài sản thanh lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, UBND cấp huyện xây dựng phương án thanh lý báo cáo Thường trực HĐND huyện cho ý kiến để trình UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến trước khi quyết định thanh lý tài sản.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được giao quản lý.

3. Cấp xã

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý đối với các tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được giao quản lý; trước khi quyết định thanh lý tài sản, UBND cấp xã xây dựng phương án báo cáo Thường trực HĐND xã và cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tiêu hủy các tài sản thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; các tài sản thuộc cấp huyện, cấp xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định tiêu hủy của Chủ tịch UBND cấp tỉnh*).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với các trường hợp sau:

1.1. Các tài sản thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

1.2. Các tài sản thuộc cấp huyện, xã có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công của Chủ tịch UBND cấp tỉnh*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công của Chủ tịch UBND cấp tỉnh*).

Chương III

QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Mua sắm tài sản công: Thẩm quyền mua sắm tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*ngoài quy định tại Khoản 2, Điều này*) thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quy định này.

2. Mua sắm tài sản công (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp và mua xe ô tô*) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản công (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, và mua xe ô tô*) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản của các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thuê tài sản công: Thẩm quyền thuê tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*ngoài quy định tại Khoản 2, Điều này*) thực hiện theo quy định tại Điều 5, Quy định này.

2. Thuê tài sản công từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản công từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Quy định này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Quy định này.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Bán tài sản công: Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (*ngoài quy định tại Khoản 2, Điều này*) thực hiện theo quy định tại Điều 8, Quy định này.

2. Bán tài sản công (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp và bán xe ô tô*) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Việc thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Quy định này.

2. Thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập (*ngoài quy định tại Khoản 1, Điều này*).

Điều 18. Thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Quy định này.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC

Điều 20. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

1. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương II, Quy định này.

2. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương III, Quy định này.

Điều 21. Thẩm quyền xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11, Chương II, Quy định này.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI DOANH NGHIỆP, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản công phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, dự án sử dụng vốn nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 90, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý (trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) tài sản phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, dự án sử dụng vốn nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: Thực hiện theo quy tại Điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11, Chương II, Quy định này.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY

Điều 24. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy, thành ủy

1. Mua sắm phương tiện xe ô tô: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Quy định này.

2. Mua sắm tài sản công ngoài nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

- Mua sắm tài sản có giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án mua sắm báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình UBND tỉnh; UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

- Mua sắm đối với tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng: Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án mua sắm báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

2.2. Chủ tịch UBND huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị trên 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng; hằng năm căn cứ dự toán ngân sách về mua sắm tài sản đã được HĐND huyện, thành phố quyết nghị, Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án mua sắm báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản theo quy định.

2.3. Chánh Văn phòng huyện ủy quyết định mua sắm đối với các tài sản trong dự toán ngân sách đã được HĐND huyện quyết nghị, có giá trị đến 100 triệu đồng.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công của Văn phòng huyện ủy từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Thuê trụ sở làm việc

1.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

a. Thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm; Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án thuê trụ sở làm việc báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b. Thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê trên 500 triệu đồng/năm; Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án thuê trụ sở làm việc báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định; Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định.

1.2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm; căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm, Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án trình Chủ tịch UBND huyện quyết định.

2. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

a. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc có giá trị thuê trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm; Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc có giá trị tài sản thuê trên 500 triệu đồng/năm, Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định; Chủ tịch UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định.

2.2. Chủ tịch UBND huyện quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc có giá trị thuê đến 100 triệu đồng/năm; căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm, Văn phòng huyện ủy xây dựng phương án trình Chủ tịch UBND huyện quyết định.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định:

- Điều chuyển tài sản công giữa các Văn phòng huyện ủy, thành ủy; từ Văn phòng huyện ủy sang các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; từ Văn phòng huyện ủy này sang các cơ quan, đơn vị cấp huyện khác.

- Điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản từ Văn phòng huyện ủy sang cơ quan, đơn vị cấp huyện (*cùng huyện*).

2. Chủ tịch UBND huyện quyết định điều chuyển tài sản công (*trừ trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*) từ Văn phòng huyện ủy sang cơ quan, đơn vị cấp huyện (*cùng huyện*).

Điều 28. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d, Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*).

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định bán tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d, Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*), trên cơ sở đề nghị của Văn phòng huyện ủy, thành ủy.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 3, Điều 27, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ).

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản là Trụ sở nhà làm việc; xe ô tô; tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng/01 đơn

vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Văn phòng huyện ủy (*trừ trụ sở nhà làm việc, phương tiện xe ô tô phục vụ công tác*).

3. Chánh Văn phòng huyện ủy quyết định thanh lý tài sản có giá trị đến 100 triệu đồng (*trừ trụ sở nhà làm việc, phương tiện xe ô tô phục vụ công tác*).

Điều 30. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 2, Điều 28, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*).

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 2, Điều 28, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*), trên cơ sở đề nghị của Văn phòng huyện ủy.

Điều 31. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 2, Điều 29, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*).

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c, Khoản 2, Điều 29, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ*), trên cơ sở đề nghị của Văn phòng huyện ủy.

Chương VII

QUẢN LÝ TÀI SẢN HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 32. Thẩm quyền quyết định cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện bằng hình thức đấu giá.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định.

Điều 33. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 34. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 35. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị đến 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý có giá trị trên 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản theo quy định.

Điều 36. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

Điều 37. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 38. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (đối với trường hợp quy định tại khoản 6, Điều 7, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

1.1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

1.2. Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà

nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*trừ các tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 7, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ*).

1.3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

1.4. Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

1.5. Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

2.1. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản*).

2.2. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*).

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

3.1. Tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*).

3.2. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Giám đốc Sở Tài chính quyết định giải thể theo ủy quyền (*trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*).

Điều 39. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 100 triệu đồng /01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu; điều chuyển tài sản từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; hoặc giữa các huyện với nhau.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, Điều này).

Điều 40. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ trường hợp quy định tại điểm a và b, Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; điều chuyển tài sản từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; hoặc giữa các huyện với nhau.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định kết án, tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh ra quyết định kết án, tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 41. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b và d, Khoản 3, Điều 19, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị trên 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; điều chuyển tài sản từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; hoặc giữa các huyện với nhau.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này./.